



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

## Legal Transplant in Vietnam

Vu Thanh Cu\*, Nguyen Van Quan

*VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Received 11 July 2022

Revised 20 May 2023; Accepted 26 June 2023

**Abstract:** The interplay of legal systems has existed for thousands of years. In the contemporary context, globalization promotes interaction between legal systems. Legal comparatists have long developed the “legal transplant” theory to investigate foreign legal borrowing cases. However, scholars have not looked into this phenomenon in Vietnam thoroughly. The article introduces the theoretical framework of legal transplant. It then considers the practice of legal transplant in Vietnam in several legal fields to point out the decisive factors of the success or failure of the legal transplant.

**Keywords:** Legal transplant, Common Law, Civil Law, Vietnam.

---

\* Corresponding author.

*E-mail address:* [cu.vuthanh@gmail.com](mailto:cu.vuthanh@gmail.com)

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4480>

# Cấy ghép pháp luật ở Việt Nam

Vũ Thành Cự\*, Nguyễn Văn Quân

*Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144, Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 11 tháng 7 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 5 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 6 năm 2023

**Tóm tắt:** Sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau giữa các hệ thống pháp luật đã tồn tại hàng nghìn năm nay. Ngày nay, toàn cầu hoá thúc đẩy quá trình tương tác giữa các hệ thống pháp luật. Các nhà luật học so sánh từ lâu đã xây dựng lý thuyết “cấy ghép pháp luật” để phân tích các trường hợp vay mượn pháp luật nước ngoài. Tuy nhiên, ở Việt Nam vẫn chưa có nhiều nghiên cứu về vấn đề này. Bài viết này giới thiệu khung lý thuyết cấy ghép pháp luật và phân tích thực tiễn cấy ghép pháp luật tại Việt Nam trong một số lĩnh vực pháp luật. Từ đó, bài viết chỉ ra những yếu tố quyết định sự thành công hay thất bại của cấy ghép pháp luật.

*Từ khóa:* Cấy ghép pháp luật, Thông luật, Dân luật, Việt Nam.

## 1. Dẫn nhập

Từ nhiều năm nay, Đông Nam Á thu hút sự quan tâm của các chuyên gia luật so sánh phương Tây. Điều này xuất phát từ việc các quốc gia khu vực này thực hiện cấy ghép pháp luật rất nhiều và đa số các trường hợp đều thành công. Việt Nam cũng không phải là một ngoại lệ khi trải qua một chiều dài lịch sử với nhiều đứt gãy gắn liền với các mô hình nhà nước và chế độ chính trị khác nhau.

Tuy nhiên, việc nghiên cứu cấy ghép pháp luật ở Việt Nam vẫn chưa được chú trọng đúng mức. Các nghiên cứu chưa được hệ thống hoá mà vẫn dừng lại ở cấp độ nhỏ lẻ, manh mún. Ngoài ra, nghiên cứu cấy ghép pháp luật ở Việt Nam chủ yếu tập trung vào luật tư còn chưa chú trọng luật công. Bài viết trước hết khái quát hoá lý thuyết chung về cấy ghép pháp luật, sau đó phân tích thực tiễn cấy ghép pháp luật ở Việt Nam và đưa ra một số bình luận.

Trước khi làm rõ lý thuyết cấy ghép pháp luật, cần nhìn nhận một cách tổng quát về luật so

sánh - lĩnh vực khoa học khai phá thuật ngữ này. Luật so sánh là một lĩnh vực khoa học pháp lý, được hiểu theo nghĩa rộng, khảo cứu các xã hội với lăng kính tập trung vào luật như một hiện tượng mang tính quy phạm [1]. Có hai trường phái chính trong giới luật so sánh. Trường phái thứ nhất cho rằng sự khác biệt giữa các quốc gia mới làm tăng hiểu biết pháp luật trong xã hội [2-3] trong khi chiều hướng ngược lại chỉ ra rằng chỉ có những quốc gia tương đồng - các quốc gia ở cùng giai đoạn phát triển [4-5] mới có thể cùng có lợi khi trao đổi kinh nghiệm với nhau [6-7]. Đây cũng chính là những chiều hướng ảnh hưởng đến lý thuyết và quan điểm về cấy ghép pháp luật sẽ được phân tích trong nghiên cứu này.

Cấy ghép pháp luật là một trong những vấn đề trọng tâm của luật so sánh thế giới trong việc hiểu mối quan hệ giữa luật và xã hội [8]. Tuy nhiên, tại Việt Nam, lý thuyết này vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu đủ nhiều trong bối cảnh một quốc gia với nền khoa học pháp lý non trẻ đã, đang và sẽ học hỏi rất nhiều từ các quốc gia phát triển trên thế giới. Một số tác giả có đề cập

\* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: cu.vuthanh@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4480>

đến thuật ngữ này nhưng với một cái tên khác là “tiếp nhận pháp luật” hay “chuyển hoá pháp luật” [9-10]. Thuật ngữ “legal transplant” thường được các học giả [11-13] cho rằng xuất hiện lần đầu trong hai nghiên cứu của Alan Watson [14] và Kahn Freund [15]. Theo đó, cấy ghép pháp luật là việc đưa quy định pháp luật của một quốc gia này sang áp dụng tại một quốc gia khác [16], hoặc cũng có thể là sử dụng một tập hợp các quy phạm và nguyên tắc vay mượn từ một quốc gia này tại một quốc gia khác [17]. Đối với cả Watson và Freund, cấy ghép pháp luật là một cách tiếp cận “động” so với cách tiếp cận “tĩnh” truyền thống (tiêu biểu là René David và John E.C. Brierley [16]) của luật so sánh. Cụ thể hơn, thay vì chỉ tổng hợp và so sánh sự giống và khác giữa các hệ thống pháp luật thì học giả luật so sánh cần phải xem xét bản chất đang biến đổi của pháp luật và các nguyên nhân, quá trình liên quan đến cải cách pháp luật [19-20]. Có thể nhìn nhận cấy ghép pháp luật theo chiều dọc - nội luật hoá (tổ chức quốc tế, điều ước quốc tế, thoả thuận quốc tế - quốc gia) hay theo chiều ngang - sự tham khảo, tiếp nhận từ quốc gia này sang quốc gia (quốc gia - quốc gia) [21]. Cách thức cấy ghép có thể là tự nguyện hoặc áp đặt, phạm vi cấy ghép có thể là cả hệ thống pháp luật, các đạo luật, một số nguyên/quy tắc pháp lý hay học thuyết pháp lý [21].

## 2. Các tranh luận phổ biến về tính khả thi của cấy ghép pháp luật

### 2.1. Tính khả thi - tầm quan trọng của văn hoá pháp luật

Có ba nhóm quan điểm chính đối với tính khả thi của cấy ghép pháp luật. Một là, cấy ghép pháp luật khả thi. Tiêu biểu cho nhóm này là Alan Watson khi ông lập luận rằng không có liên hệ giữa pháp luật và xã hội mà pháp luật đó được áp dụng [14]. Watson nhìn nhận nếu luật pháp từng phản ánh tinh thần của các dân tộc và các quốc gia, thì quá trình phân hóa xã hội và quốc tế hóa dài hạn đã tách rời sự liên kết này. Ông tin rằng các quá trình thay đổi là nội sinh bởi vì “ở

cấp độ khái quát, pháp luật sở hữu một đời sống và sức sống riêng; một mặt không có mối quan hệ cực kỳ chặt chẽ, tự nhiên hoặc hiển nhiên giữa pháp luật, cấu trúc và công cụ pháp lý và quy tắc, mặt khác xuất hiện nhu cầu kinh tế chính trị của tầng lớp cầm quyền hoặc một số thành phần xã hội” [22]. Ngoài ra, luật được định hướng bởi một nhóm nhỏ của giới tinh hoa thạo luật với cùng định hướng về giáo dục, nhận thức luật và pháp luật nên có thể cấy ghép một cách tự do, siêu vượt khỏi biên giới văn hoá [21]. Do đó, việc cấy ghép quy tắc pháp luật là dễ dàng về mặt xã hội [14] và một quy tắc pháp luật được cấy ghép, chi đơn giản bởi vì đó là một ý tưởng tốt [22]. Mặt khác, pháp luật về cơ bản có tính độc lập. Để củng cố cho luận điểm này, Watson lấy ví dụ về quá trình chuyển hoá luật La Mã tại châu Âu thời trung cổ và thời kỳ hậu-khai-sáng (post-enlightenment) và phát triển kinh tế thị trường. Từ đó, việc cấy ghép pháp luật phụ thuộc vào quốc gia tiếp nhận. Watson cũng nhận định rằng, cấy ghép các quy định đơn lẻ hay phần lớn của một hệ thống pháp luật là phổ biến và luật cũng tương tự công nghệ, là thành quả của kinh nghiệm con người [14]. Nhận định đầu tiên kế thừa từ nhận định của nhà xã hội học pháp luật người Mỹ Roscoe Pound rằng, tiến trình lịch sử pháp luật thế giới là lịch sử của việc vay mượn chất liệu pháp lý từ hệ thống pháp luật khác và của việc đồng hoá các chất liệu nằm ngoài pháp luật [23-24]. Quan điểm của Watson có ảnh hưởng mạnh mẽ tới luật học nói chung và luật so sánh nói riêng. Các luận điểm của Watson vẫn có sức thuyết phục và hấp dẫn các nhà luật học hiện nay [23].

Quan điểm thứ hai ngược lại với quan điểm thứ nhất khi phản bác mạnh mẽ cấy ghép pháp luật đến từ các học giả nhấn mạnh vào văn hoá (culturalist) [26] hay ngữ cảnh [12]. Giáo sư người Pháp Pierre Legrand cho rằng pháp luật vốn dĩ liên kết ngôn ngữ và văn hoá của quốc gia gốc mà trao cho nó tập hợp các ý nghĩa bản địa. Từ đó, sự xê dịch pháp luật từ hệ thống pháp luật này sang hệ thống pháp luật khác, theo nghĩa đen, chỉ là một dạng thức vô nghĩa của ngôn từ và cấy ghép pháp luật không thể xảy ra [27-28].

Sự xô dịch đó chắc chắn sẽ gây nên sự bóp méo hoặc bất tiện hay nói cách khác, cây ghép pháp luật chỉ tồn tại trên giấy còn không thực sự tồn tại về mặt bản chất [28-29], bởi quy/nguyên tắc pháp lý chỉ có nghĩa khi đặt trong ngữ cảnh xã hội và văn hoá cụ thể. Dẫn chứng cho lập luận này là cách nhìn nhận về hiểu biết và kiến thức pháp luật giữa hai hệ thống Dân luật và Thông luật khi một bên đề cao vai trò của thẩm phán và luật sư đối với việc áp dụng án lệ còn một bên coi trọng công chức nhà nước và luật sư trong việc giải thích pháp luật một cách có hệ thống [30]. Quan điểm của Legrand có sự kế thừa tư duy của Montesquieu - người được xem là một trong những ông tổ của luật so sánh hiện đại [31] khi ông cho rằng pháp luật là sự phản ánh của lý trí và chỉ dành riêng cho người dân của nơi nó được ban hành – gắn chặt với bối cảnh địa lý, tập quán truyền thống và chính trị của mỗi quốc gia riêng biệt [32]. Ngoài ra, luật gia nổi tiếng người Đức, Savigny cũng chịu ảnh hưởng của Montesquieu và khẳng định mối quan hệ khăng khít giữa pháp luật và xã hội khi cho rằng pháp luật là “sự biểu lộ những đặc điểm sẵn có và khu biệt của cộng đồng như thói quen, ngôn ngữ và tổ chức xã hội” [33]. Quan niệm bắt nguồn từ Montesquieu này được phát triển thành lý thuyết phản chiếu (mirror theory). Pháp luật phản chiếu xã hội vì xã hội tạo ra luật dựa trên những giá trị của chính xã hội đó. Ngược lại, xã hội cũng phản chiếu pháp luật vì pháp luật kiến thiết xã hội dựa trên sự phân loại của luật [32-33]. Quan điểm này trái ngược với ý tưởng của Alan Watson khi học giả này cho rằng, pháp luật có thể phát triển bằng con đường cây ghép mà không cần xem xét đến các yếu tố như kinh tế, chính trị, xã hội mang tính bản địa [21].

Quan điểm cuối cùng trung dung hơn so với hai quan điểm đầu tiên vốn khá “cực đoan” về cây ghép pháp luật. Gunther Teubner phê phán cả Watson và Legrand trong cách nhìn nhận về cây ghép pháp luật của họ và cho rằng cần có một sự “sàng lọc” mang tính khái niệm để phản ánh chính xác hơn liên kết giữa pháp luật và xã hội. Học giả này lập luận rằng liên kết giữa pháp luật và xã hội không còn toàn diện mà mang tính chọn lọc và liên kết này biến thiên mạnh mẽ từ

lông lẻo đến chặt chẽ cũng như được thiết lập thông qua sự khác biệt hơn là sự đồng nhất [3]. Teubner sử dụng thuật ngữ “kích ứng pháp luật” (legal irritant) để chỉ ra rằng, cây ghép pháp luật không tự động thay thế nội hàm và tập quán pháp lý đã có từ trước, mà thay vào đó, kích hoạt một loạt các lựa chọn và kết quả không thể định đoán. Học giả này sử dụng phép ẩn dụ này để tránh “sự lưỡng phân sai lệch” (false dichotomy) đến từ việc cây ghép pháp luật, đó là hình ảnh nhị phân của quốc gia đích khi từ chối hoặc chấp nhận cây ghép pháp luật [3]. David Nelken cho rằng “cây ghép pháp luật” và “kích ứng pháp luật” có nhiều điểm chung vì cả hai đều “hướng điểm nhìn của chúng ta chủ yếu đến các vấn đề pháp lý khi cố gắng sử dụng pháp luật để thay đổi các trật tự xã hội và pháp lý khác” [36]. Esin Örücü sử dụng thuật ngữ “hoán vị pháp luật” để chỉ ra rằng sự tương thích của quốc gia tiếp nhận là chìa khoá để cây ghép pháp luật thành công [37]. Học giả này cũng lưu ý rằng quốc gia tiếp nhận thường xuyên có nhận thức luận sai trong việc giải thích các văn bản pháp luật được cây ghép, dẫn đến việc hiểu sai nội hàm. Quan điểm của Kahn Freund cũng có thể xếp vào nhóm quan điểm này khi nhận định cây ghép pháp luật có thể xảy ra nhưng thành công hay thất bại phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau [15]. Cụ thể, cần phải chú trọng đến các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội của quốc gia tiếp nhận bởi cây ghép pháp luật có thể dễ dàng thành công nhưng có khi đơn giản chỉ là sự thất bại [15].

## 2.2. Cây ghép trong luật công và luật tư

Một tranh luận nữa trong học giới luật so sánh cần phải được đề cập đến là cây ghép pháp luật chỉ xuất hiện trong lĩnh vực luật tư hay cả lĩnh vực luật công. Trước hết, cần nhìn nhận sự phân loại luật công hay luật tư là đặc trưng của hệ thống Dân luật, trong khi hệ thống Thông luật không có sự phân chia rõ nét như vậy. Do đó, chúng ta có thể tạm phân định nhánh luật công ở đây với luật hiến pháp, luật hành chính là những điển hình, còn luật tư thể hiện tiêu biểu qua luật dân sự, luật thương mại.

Theo chúng tôi, cuộc tranh luận này bắt nguồn từ hai lý do chính: i) Quan điểm của cha đẻ thuyết cây ghép pháp luật - Alan Watson và ii) Thực tiễn phát triển của việc cây ghép pháp luật trên thế giới. Khi đưa ra các trường hợp về cây ghép pháp luật để chứng minh lý thuyết của mình, Watson chỉ tập trung vào lĩnh vực luật tư. Ví dụ như Watson chỉ ra rằng cây ghép pháp luật có từ thời Bộ luật cổ Hammurabi [38] hay trích dẫn Milsom về sự phổ biến của cây ghép pháp luật trong lĩnh vực luật tư [14]. Điều này có thể hiểu được khi Watson là một chuyên gia về lịch sử pháp lý và pháp luật La Mã. Như vậy, có thể thấy ngay từ khi xây dựng, lý thuyết cây ghép pháp luật của Watson đã bộc lộ điểm yếu khi không bao trọn được cả lĩnh vực luật công mà chỉ tập trung vào luật tư.

Thực tiễn phát triển của việc cây ghép pháp luật trên thế giới cũng giải thích cho tranh luận này. Mặc dù xuất hiện từ thập niên 70 của thế kỷ trước, song, phải đến thập niên 90, cây ghép pháp luật mới thực sự chú ý và luận bàn nhiều. Điều này gắn liền với bối cảnh lịch sử thế giới lúc bấy giờ. Thứ nhất, với sự kết thúc của Chiến tranh Lạnh, và sự sụp đổ của Liên bang Xô Viết, rất nhiều quốc gia cố gắng nhập khẩu các quy phạm pháp lý và thể chế từ các quốc gia dân chủ với nền kinh tế thị trường. Việt Nam, khi bắt đầu thực hiện Đổi mới vào năm 1986, cũng không phải là một ngoại lệ của xu hướng lúc bấy giờ. Thứ hai, việc ký kết Hiệp ước Maastricht năm 1992 hướng đến quá trình hài hòa hoá pháp luật ở châu Âu cũng thúc đẩy quá trình cây ghép pháp luật ở khu vực này [39]. Thứ ba, lĩnh vực luật và phát triển (law and development) bùng nổ mạnh mẽ, kéo theo nhu cầu cải cách pháp luật để phát triển kinh tế tăng cao [40-41]. Đặc biệt phải kể đến sự vào cuộc Ngân hàng Thế giới trong việc hỗ trợ các quốc gia cải cách nhiều lĩnh vực luật [42].

Có thể thấy, từ lý thuyết đến thực tiễn, cây ghép pháp luật đều tập trung vào lĩnh vực luật tư bởi động lực chính của các quốc gia khi “nhập khẩu” quy tắc pháp lý và thể chế từ quốc gia khác là phát triển kinh tế, ít nhất đúng với thập niên cuối của thế kỷ XX.

Trong thực tiễn, cây ghép pháp luật được tiến hành trong lĩnh vực luật công từ rất lâu. Ví dụ điển hình nhất là Hiến pháp Bỉ năm 1831 vay mượn 2/3 số các điều khoản từ Hiến pháp Pháp và Hà Lan.

Từ đầu thế kỷ XXI đến nay, nghiên cứu về cây ghép pháp luật cũng đã được mở rộng ra đến lĩnh vực luật công nhiều hơn. Các nghiên cứu đã chỉ ra các liên quan đến việc cây ghép quyền con người [43], toà án hiến pháp ở Đông Á [44], mô hình bảo hiến [45], sự phát triển của các toà án siêu quốc gia ở Nam Mỹ [46]. Hay, liên quan đến pháp luật Việt Nam, có hai nghiên cứu nổi tiếng chính là luận án tiến sĩ của hai học giả người Úc là Penelope Nicholson và John Gillespie, đã khảo cứu lần lượt về Luật thương mại [47] và mô hình Toà án của Việt Nam [48]. Theo đó, Luật thương mại và Toà án tại Việt Nam đều là sản phẩm của quá trình cây ghép pháp luật. Do đó, các nghiên cứu này bổ sung vào tri thức chung của nhân loại về cây ghép pháp luật và cho phép chúng ta khẳng định cây ghép pháp luật phổ biến ở lĩnh vực luật công chứ không chỉ luật tư.

### 3. Một số thực tiễn cây ghép pháp luật tại Việt Nam

Hệ thống pháp luật đương đại Việt Nam được xây dựng trên cơ sở của những hoạt động cây ghép pháp luật trong lịch sử, bắt nguồn từ Trung Quốc, Pháp, Liên Xô và gần đây là từ Đông Á và các nước phương Tây [47]. Giáo sư John Gillespie cho rằng cây ghép pháp luật đối với trường hợp của Việt Nam được hiểu là “sự dịch chuyển của luật và cấu trúc thể chế băng qua biên giới địa chính trị và văn hoá” [47].

Có thể nhận thấy rằng, cây ghép pháp luật ở Việt Nam được diễn ra với hai con đường chính là áp đặt cưỡng bức và tự nguyện tiếp nhận - đây cũng là hai con đường cây ghép phổ biến trên thế giới [35]. Cách thức đầu tiên gắn liền với quá trình thuộc địa hoá của Trung Quốc và Pháp. Khi thuộc địa hoá Việt Nam các nước nô dịch không chỉ kéo theo lực lượng quân đội mà còn mang theo cả nền văn hoá và hệ thống pháp luật của họ để áp dụng tại Việt Nam (tương tự trường hợp của Anh quốc và Hà Lan) [11]. Trong thời Bắc

thuộc, tư tưởng pháp luật Nho giáo là nền tảng cho hệ thống pháp luật - chính trị của Việt Nam [49-50]. Dẫn chứng rõ ràng nhất là Hoàng Việt luật lệ là sự mô phỏng từ nguyên mẫu của Đại Thanh luật lệ kết hợp thêm với Bộ luật Hồng Đức của Việt Nam thời kỳ trước [51]. Trong đó, dù được đánh giá là có những đặc điểm riêng để phản ánh và giải quyết tập quán và thực tiễn của xã hội Việt Nam đương thời, Bộ luật Hồng Đức chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ luật Trung Quốc (nhà Đường, nhà Minh) cũng như chủ nghĩa nhân trị và pháp trị [52-53]. Sau đó, đến thế kỷ XIX, người Pháp ban sắc lệnh về việc thiết lập cơ quan tư pháp với việc thành lập toà án sơ thẩm, toà án thương mại và toà án phúc thẩm cấp cao hơn [54]. Đây là động thái của Pháp nhằm cấy ghép pháp luật vào hệ thống pháp luật Việt Nam thông qua việc áp dụng luật của họ tại nước thuộc địa (Anh quốc cũng cấy ghép pháp luật vào các nước thuộc địa như Palestine hay Malaysia) [53-54]. Cấy ghép pháp luật thông qua con đường cưỡng bức, gắn liền với quá trình thực dân hoá của các nước phương Tây có lịch sử từ lâu đời. Các học giả nghiên cứu sử dụng thuật ngữ “chủ nghĩa đế quốc pháp lý” (legal imperialism) [57]. Việc cấy ghép pháp luật ở châu Âu có lịch sử từ thời kỳ cổ đại khi luật được du nhập từ thành bang này sang thành bang khác rồi sau đó là từ thành bang tới vùng nông thôn vào thời kỳ Trung Cổ [58]. Pháp luật phương Tây có truyền thống cấy ghép từ lâu đời, trước khi diễn ra quá trình thuộc địa hoá [58]. Ảnh hưởng của Pháp đến pháp luật vẫn chưa dừng lại vì sau đó, Việt Nam vẫn được nhìn nhận là một quốc gia theo truyền thống Dân luật với sự thống trị tuyệt đối của luật viết thành văn được Quốc hội ban hành [59].

Con đường thứ hai của cấy ghép pháp luật xuất hiện sau khi Việt Nam giành được độc lập và được thúc đẩy bởi mục tiêu uy tín và hiệu quả kinh tế (đây là 2 trong 3 nhân tố thay đổi dẫn đến cấy ghép pháp luật - nhân tố còn lại là sự áp đặt) [17]. Việc tiếp thu tư duy và hệ thống pháp luật của Xô Viết đáp ứng được nhu cầu của Việt Nam sau khi giành được độc lập, bãi bỏ hệ thống pháp luật của Pháp và tiến hành công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa. Sự thể hiện rõ nét nhất là việc theo đuổi nền kinh tế tập trung bao cấp [60].

Đối với lĩnh vực luật tư, sau năm 1986 với sự ra đời của chính sách Đổi mới, Việt Nam buộc phải chuyển mình nhanh chóng để hội nhập với thế giới. Chấm dứt nền kinh tế tập trung bao cấp để xây dựng nền kinh tế với nhiều thành phần được thể hiện rõ nét vào năm 1990 với việc ban hành Luật Doanh nghiệp tư nhân và Luật Công ty dựa trên mô hình Luật Thương nhân của Pháp năm 1966 [61]. Sau đó, các luật này được thay thế bằng các Luật Doanh nghiệp năm 1999, 2005, 2014 với sự tiếp nhận mô hình của luật công ty Đức và luật công ty của Anh - Mỹ [61]. Ngoài ra, Bộ luật Dân sự năm 1995 cũng là kết quả của sự tiếp nhận pháp luật nước ngoài từ luật Liên Xô và Nga với mô hình pháp điển hoá kiểu Đức [61]. Đây cũng là xu hướng chung của các quốc gia Đông Âu sau khi Liên bang Xô Viết tan rã [62].

Đối với lĩnh vực luật công, nhiều học giả từng phê phán Nho giáo gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc hiện đại hoá pháp luật, đặc biệt là xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Tuy nhiên, học giả Bùi Ngọc Sơn chỉ ra rằng, Nho giáo có tác động tích cực đến luật công ở Việt Nam, đặc biệt là luật hiến pháp. Cụ thể, trong luận án tiến sĩ của mình, ông chỉ ra rằng, Nho giáo đã thâm thấu vào cách hiểu của người Việt Nam về các thuật ngữ như bầu cử, bỏ phiếu tín nhiệm và quyền con người (không chỉ Việt Nam mà các nước Đông Á khác cũng chịu ảnh hưởng của Nho giáo đối với luật hiến pháp) [61-62]. Ảnh hưởng của triết lý pháp luật của Xô Viết còn thể hiện rõ nét trong Hiến pháp 1959 khi quy định về pháp chế xã hội chủ nghĩa, dân chủ tập trung và làm chủ tập thể - đây cũng chính là ba nguyên tắc nền tảng của ý thức hệ chính trị-pháp luật của Liên Xô [47]. Một ví dụ khác là Hiến pháp 1946 là sản phẩm của quá trình cấy ghép các quy định của Hiến pháp đệ tam cộng hoà Pháp 1875.

#### 4. Đánh giá lý thuyết cấy ghép pháp luật qua thực tiễn Việt Nam

Có thể thấy từ khung lý thuyết về cấy ghép pháp luật, đây thực chất là cuộc luận bàn giữa các học giả về bản chất triết học của pháp luật hay mối quan hệ của pháp luật khi đặt trong

tương quan với văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội cũng như kết cấu pháp lý hạ tầng. Các yếu tố này liên quan đến khả năng tiếp nhận trong cây ghép pháp luật [65].

Trường hợp của Việt Nam cần phải được nhìn nhận đa chiều. Có thể khẳng định thời kỳ cây ghép pháp luật theo hướng áp đặt cưỡng bức có những thành công nhất định. Điều này có thể lý giải đến từ việc hệ thống pháp luật của Việt Nam trong thời kỳ phong kiến chưa có độ rõ nét mà vẫn tồn tại dưới dạng luật tục với nguồn bản địa [66] nên khi có sự xuất hiện của luật viết sẽ dễ dàng được tiếp nhận. Tuy nhiên, có hai điều đáng lưu ý ở đây. Một là, với cùng cách thức cây ghép pháp luật nhưng nền tảng Nho giáo từ Trung Quốc tỏ ra mạnh mẽ hơn và lấn át tư duy phương Tây trong pháp luật của Pháp khi áp dụng tại Việt Nam [67]. Điều này có thể do các yếu tố như văn hoá, kinh tế, chính trị của Việt Nam và Trung Quốc có sự tương đồng và từ đó có sự tương thích cao hơn so với Pháp. Hai là, sau khi Việt Nam tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và học tập mô hình của Liên Xô thì dấu ấn của luật Pháp trở nên nhạt nhòa. Điều này chứng tỏ cây ghép pháp luật theo con đường áp đặt cưỡng bức khó có thể có sức sống lâu bền như con đường tự nguyện. Điều này cho thấy quan điểm của Freund là đúng đắn khi giải thích về nội hàm của “cây ghép” khi ông đưa ra hai ví dụ về cây ghép nội tạng và cây ghép cơ học. Cây ghép pháp luật tương tự như cây ghép nội tạng vì để thành công, ý tưởng pháp lý hoặc quy phạm pháp luật đó cần phải được “nhập tịch” hoặc “đồng hoá” vào trong hệ thống pháp luật bản địa, nếu không sẽ bị đào thải [23].

Cây ghép pháp luật với sự tự nguyện thông qua sự tham khảo pháp luật của các quốc gia khác ở Việt Nam có vẻ không được thành công như cách thức còn lại. Trên thực tế, nhiều chuyên gia vẫn nhận định pháp luật của Việt Nam còn thiếu đồng bộ, thiếu tính khả thi, thiếu minh bạch hay “luật trên trời, cuộc đời dưới đất” khiến chúng ta phải nhìn lại về lý thuyết của Watson [68]. Cây ghép pháp luật không đơn giản như vậy. Nói cách khác, không thể nhìn nhận tính khả thi của việc cây ghép pháp luật một cách vội vàng như Watson khi chỉ chú trọng quốc gia tiếp

nhận mà bỏ quên ý tưởng pháp lý đó đang vận hành như thế nào ở quốc gia gốc (ví dụ như trường hợp của Đế chế La Mã cho đến nay vẫn chưa xác nhận được thực tiễn áp dụng pháp luật của họ). Sau thời kỳ Đổi mới, trong nước, các nhà lập pháp cố gắng học hỏi và áp dụng mô hình của các quốc gia tiêu biểu trong hai truyền thống pháp luật như Anh-Mỹ, Pháp-Đức nhằm đẩy nhanh quá trình hiện đại hoá pháp luật. Trên trường quốc tế, các luật mẫu như UNCITRAL (Ủy ban Liên Hợp Quốc về Luật Thương mại Quốc tế), UNIDROIT (Viện Quốc tế về Nhất thể hoá pháp luật tư) khuyến khích quá trình cây ghép pháp luật của các nước đang phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu toàn cầu hoá cũng như yêu cầu của các điều ước quốc tế như TRIPS [69]. Tuy nhiên, việc chúng ta quá vội vã khi chưa xem xét tính tương thích giữa quốc gia và Việt Nam đã khiến cho việc cây ghép pháp luật không đạt được thành công như mong đợi (ví dụ như việc xem xét nền tảng triết học và nguyên tắc cơ bản ẩn sau ngôn từ - thành quả của lịch sử tiến hóa của một chế định luật mà Việt Nam muốn cây ghép [70]). Watson cũng đưa ra giải thích cho sự thất bại của việc cây ghép pháp luật: i) thiếu các ý niệm, ý thức hệ, giá trị thuận lợi cho việc cây ghép pháp luật; ii) các quan niệm pháp luật cây ghép bị đánh tráo khái niệm, cùng tên gọi nhưng nội hàm khác, với mục đích khác; iii) thiếu các thiết chế thuận lợi giúp áp dụng, phổ biến ý tưởng của pháp luật, giúp số đông dân chúng được tham gia nhiều hơn, hưởng lợi nhiều hơn, được trao quyền nhiều hơn từ pháp luật cây ghép [14]. Ngoài ra, có thể có một cách giải thích khác cho hiện tượng này. Giáo sư Andrew Harding, khi nghiên cứu cây ghép pháp luật ở các quốc gia Đông Nam Á (cụ thể là Thái Lan, Malaysia, Indonesia), cho rằng việc cây ghép pháp luật không còn mới, đã diễn ra hàng trăm năm nay và bầm rữa, tìm được mảnh đất màu mỡ [71]. Tuy nhiên, mục đích và hiệu quả của cây ghép pháp luật không hoàn toàn như dự tính bởi học thuyết toàn cầu đã bao trùm lên tri thức bản địa cũng như luật được cây ghép đều không thoát khỏi việc được sử dụng cho các mục đích bản địa hóa hoặc bị sửa đổi trong thực tiễn áp dụng [72].

Có thể nhìn nhận việc ban hành luật mới là một hiện tượng pháp lý phức tạp. Vì quá trình này liên quan đến toàn bộ môi trường pháp lý, chính trị, thể chế, văn hóa và kinh tế “trong đó một luật mới được tranh luận, soạn thảo và có hiệu lực” [73]. Do đó, cấy ghép pháp luật phải được đặt trong hệ hình của văn hoá pháp luật mới có thể có được cái nhìn tổng quan.

## 5. Kết luận

Quá trình toàn cầu hoá thúc đẩy quá trình cấy ghép pháp luật trên phương diện kinh tế. Quá trình này tạo ra sự tương tác trực tiếp và mạnh mẽ giữa pháp luật và văn hoá pháp lý, do đó, đòi hỏi giới luật so sánh cần phải đánh giá được tác động của sự toàn cầu hoá lên pháp luật cũng như phát triển chiến lược để theo kịp xu hướng này. Mặt khác, cấy ghép pháp luật cũng thúc đẩy quá trình cải cách tư pháp ở các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển để đáp ứng được các tiêu chuẩn được ký kết trong các văn kiện quốc tế [77-79].

Nói cách khác, khi một quốc gia có một vấn đề pháp lý cần phải giải quyết, các giải pháp có thể áp dụng là có hạn. Trong khi đó, các giải pháp hay ý tưởng này có thể đã được thực thi ở quốc gia khác. Do đó, các quốc gia có thể tham khảo kinh nghiệm lẫn nhau để đánh giá được tác động của các giải pháp này trong thực tiễn. Cấy ghép pháp luật dần trở thành một xu hướng toàn cầu vì nó có thể giúp các quốc gia đẩy nhanh quá trình đánh giá chính sách, tiết kiệm được cả về thời gian và chi phí [80].

Như đã luận bàn ở trên, cấy ghép pháp luật được đặt trong chiều kích của xã hội và văn hoá vì “không có một tập hợp chế định luật hoặc quy định nào tồn tại độc lập khỏi diễn ngôn định vị và tạo nghĩa nó” [81]. Cấy ghép pháp luật bản chất là cấy ghép văn hoá nói chung và cấy ghép văn hoá pháp luật nói riêng. Mặc dù học giới vẫn tranh luận về nội hàm của văn hoá pháp luật [82], chúng ta không thể khẳng định một cách tùy tiện như Watson là cấy ghép pháp luật là dễ dàng nhưng cũng đừng thái quá như Legrand khi nhận định không thể cấy ghép. Một chế định luật hoặc

quy định được cấy ghép cần phải có mục tiêu phát triển trong một hệ sinh thái - hệ thống pháp luật của một quốc gia chứ không chỉ đơn thuần là việc chuyển một cơ quan từ cơ thể này sang cơ thể khác [83]. Những năm gần đây, cấy ghép pháp luật chủ yếu xuất hiện dưới dạng ý tưởng được du nhập giữa các quốc gia một cách nhanh chóng và đôi khi khó để nhận diện ý tưởng nào đã được cấy ghép từ quốc gia này sang quốc gia khác [84].

## Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ Đề tài QG.22.58: “Cấy ghép và chuyển hoá pháp luật tại Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế” của Đại học Quốc gia Hà Nội.

## Tài liệu tham khảo

- [1] J. Husa, *A New Introduction to Comparative Law*, Bloomsbury Publishing, 2015.
- [2] J. W. F. Allison, *A Continental Distinction in the Common Law: A Historical and Comparative Perspective on English Public Law*, Clarendon Press, 1996.
- [3] G. Teubner, *Legal Irritants: Good Faith in British Law or How Unifying Law Ends Up in New Divergences*, *Modern Law Review*, No. 61, 1998, pp. 11 - 32.
- [4] C. M. Schmidhoff, *The Science of Comparative Law*, *Cambridge Law Journal*, No. 7, 1939, pp. 94-110.
- [5] F. Pollock, *The History of Comparative Jurisprudence*, *Journal of the Society of Comparative Legislation*, No. 5, 1903, pp. 74-89.
- [6] H. Gutteridge, *Comparative Law*, Cambridge University Press, 1949.
- [7] W. W. Buckland, A. D. McNair, *Roman Law and Common Law*, Cambridge University Press, 1936.
- [8] M. Siems, *The Curious Case of Overfitting Legal Transplants*, in: M. Adams, D. Heirbaut (Eds.), *The Method and Culture of Comparative Law: Essays in Honour of Mark Van Hoecke*, Hart Publishing, 2014, pp. 133 - 146.
- [9] Đ. T. Úc, L. M. Thông, *Sự tiếp nhận các giá trị pháp lý phương Đông và phương Tây đối với sự phát*



- triển các tư tưởng pháp lý Việt Nam, Tạp Chí Nhà nước và pháp luật, 1999, pp. 3 - 16.
- [10] P. D. Nghĩa, Tiếp nhận pháp luật nước ngoài: Thời cơ và thách thức cho nghiên cứu lập pháp, Tạp Chí Nghiên Cứu Lập Pháp, 2002, pp. 50 - 57.
- [11] J. H. Merryman, On The Convergence (and Divergence) of The Civil Law and The Common Law, *Stanford Journal of International Law*, No. 17, 1981, pp. 357 - 388.
- [12] W. Twining, Social Science and Diffusion of Law, *Journal of Law and Society*, No. 32, 2005, pp. 203 - 240.
- [13] J. W. Cairns, Watson, Walton, and The History of Legal Transplants, *Georgia Journal of International and Comparative Law*. No. 41, 2013, pp. 637-696.
- [14] A. Watson, *Legal Transplant: An Approach to Comparative Law*, Scottish Academic Press, 1974.
- [15] K. Freund, On Use and Misuses of Comparative Law, *The Modern Law Review*. No. 37, 1974, pp. 1 - 27.
- [16] A. Watson, Legal Transplant and Law Reform, *Law Quarterly Review*, No. 92, 1976, pp. 79 - 84.
- [17] M. Graziadei, Comparative Law as the Study of Transplants and Receptions, in: M. Reimann, R. Zimmerman (Eds.), *The Oxford Handbook of Comparative Law*, 2nd ed., Oxford University Press, 2019, pp. 442 - 482.
- [18] R. David, J.E.C. Brierley, *Major legal systems in the world today*, 3rd ed., Stevens & Sons, 1985.
- [19] R. Sacco, Legal Formants: A Dynamic Approach to Comparative Law (Installment II of II), *The American Journal of Comparative Law*, No. 39, 1991, pp. 343 - 401.
- [20] G. Ajani, Transplants, Legal Borrowing and Reception, in: D.S. Clark (Ed.), *Encyclopedia of Law & Society: American and Global Perspectives*, Sage, 2007.
- [21] J. Gillespie, Towards a Discursive Analysis of Legal Transfers into Developing East Asia, *New York University Journal of International Law and Politics*, No. 40, 2008, pp. 657 - 721.
- [22] A. Watson, Comparative law and legal change, *The Cambridge Law Journal*, No. 37, 1978, pp. 313-336.
- [23] E. M. Wise, The Transplant of Legal Patterns, *The American Journal of Comparative Law*, No. 38, 1990, pp. 1 - 22.
- [24] R. Pound, *The Formative Era of American Law*, Little, Brown & Co, 1938.
- [25] G. Francione, Alan Watson's Controversial Contribution to Legal Scholarship, *The Georgia Journal of International and Comparative Law*, No. 31, 2002, pp. 59.
- [26] A. Riles, A New Agenda for The Cultural Study of Law: Taking on The Technicalities, *Buffalo Law Review*, No. 53, 2005, pp. 52 - 65.
- [27] P. Legrand, What "Legal Transplant"?, in: D. Nelken, J. Feest (Eds.), *Adapting Legal Culture*, Hart Publishing, 2001, pp. 55 - 69.
- [28] P. Legrand, The Impossibility of Legal Transplant, *Maastricht Journal of European and Comparative Law*, No. 4, 1998, pp. 111 - 124.
- [29] P. Legrand, How to Compare Now, *Legal Studies*. No. 16, 1996, pp. 232 - 242.
- [30] P. Legrand, European Legal Systems are not Converging, *International & Comparative Law Quarterly*, No. 45, 1996, pp. 52 - 81.
- [31] R. Launay, Montesquieu: The Specter of Despotism and the Origins of Comparative Law, in: A. Riles (Ed.), *Rethinking the Masters of Comparative Law*, Hart, 2001.
- [32] C. de S. baron de Montesquieu, *Esprit des lois*, Firmin Didot frères, fils et cie, 1872.
- [33] F. K. von Savigny, *The Vocation of Our Age for Legislation and Jurisprudence*, The Lawbook Exchange, 2002.
- [34] W. Ewald, Comparative Jurisprudence (II): The Logic of Legal Transplants, *The American Journal of Comparative Law*, No. 43, 1995, pp. 489 - 510.
- [35] B. Z. Tamanaha, *A General Jurisprudence of Law and Society*, Oxford University Press, 2001.
- [36] D. Nelken, Beyond the Metaphor of Legal Transplants?: Consequences of Autopoietic Theory for the Study of Cross-Cultural Legal Adaptation, in: J. Priban, D. Nelken (Eds.), *Law's New Boundaries: The Consequences of Legal Autopoiesis*, Ashgate Pub Ltd, 2001, pp. 265.
- [37] E. Öricü, Law as Transposition, *International & Comparative Law Quarterly*, No. 51, 2002, pp. 205.
- [38] A. Watson, *Legal Transplants and European Private Law*, *Electronic Journal of Comparative Law*, 2000.
- [39] R. Zimmerman, Civil code and civil law: the "Europeanization" of private law within the European Community and the re-emergence of a European legal science, *Columbia Journal of European Law*, No. 1, 1994, pp. 63 - 105.
- [40] K. Rittich, The Future of Law and Development: Second Generation Reforms and The Incorporation of The Social, *Michigan Journal of International Law*, No. 26, 2004, pp. 199 - 243.
- [41] C. Thomas, Law and Neoclassical Economic Development in Theory and Practice: Toward an Institutional Critique of Institutionalism, *Cornell Law Review*, No. 96, 2011, pp. 967 - 1024.

- [42] World Bank, Initiatives in Legal and Judicial Reform, World Bank, Washington DC, 2002.
- [43] M. Amos, Transplanting Human Rights Norms: The Case of The United Kingdom's Human Rights Act, *Human Rights Quarterly*. No. 35, 2013, pp. 386 - 407.
- [44] T. Ginsburg, Confucian Constitutionalism? The Emergence of Constitutional Review in Korea and Taiwan, *Law & Social Inquir*, No. 27, 2002, pp. 763 - 799.
- [45] M. J. Horwitz, Constitutional Transplants, *Theoretical Inquiries in Law*, No.10, 2009, pp. 535 - 560.
- [46] K. J. Alter, L.R. Helfer, O. Saldias, Transplanting the European Court of Justice: The Experience of The Andean Tribunal of Justice, *American Journal of Comparative Law*, No. 60, 2012, pp. 629 - 694.
- [47] J. Gillespie, Transplanting Commercial Law Reform: Developing a Rule of Law in Vietnam, Ashgate Publishing Ltd, 2006.
- [48] P. Nicholson, Borrowing Court Systems: The Experience of Socialist Vietnam, Martinus Nijhoff Publishers, 2007.
- [49] N. N. Huy, T. V. Tai, The Le Code: Law in Traditional Vietnam, A Comparative Sino-Vietnamese Legal Study with Historical-Juridical Analysis and Annotations, 1st ed., Ohio University Press, 1987.
- [50] V. T. Ta, Vietnam's Code of the Lê Dynasty (1428-1788), *The American Journal of Comparative Law*. No. 30, 1982, pp. 523 - 554.
- [51] T. T. Kim, Việt Nam Sử lược, Bộ Giáo dục, 1971.
- [52] N. N. Huy, Quốc triều Hình luật (Quyển A), Viet Publisher Thư Quán, 1989.
- [53] V. V. Mẫu, Dân luật Khái luận, 2nd ed., Bộ Quốc gia Giáo dục, 1961.
- [54] M. B. Hooker, A Concise Legal History of South-East Asia, Clarendon Press, 1978.
- [55] P. Mahy, I. Ramsay, Legal Transplants and Adaptation in a Colonial Setting: Company Law in British Malaya, *Singapore Journal of Legal Studies*, 2014, pp. 123 - 150.
- [56] M. D. Birhack, Colonial Copyright: Intellectual Property in Madate Palestine, Oxford University Press, 2012.
- [57] U. Mattei, L. Nader, Plunder: When the Rule of Law is Illegal, Wiley-Blackwell, 2008.
- [58] J.Q. Whitman, Western Legal Imperialism: Thinking About the Deep Historical Roots, *Theoretical Inquiries in Law*, No.10, 2009, pp. 305 - 332.
- [59] J. Quigley, Socialist Law and the Civil Law Tradition, *The American Journal of Comparative Law*, No. 37, 1989, pp. 781 - 808.
- [60] A. Fforde, S. de Vylder, From Plan to Market: The Economic Transition in Vietnam, Westview Press, 1996.
- [61] N. H. Cương, Sự ảnh hưởng của pháp luật Pháp tới pháp luật Việt Nam, in: A. D. Raulin, J. P. Pastorel, T. Q. Toàn, N. H. Anh (Eds.), Ảnh hưởng của truyền thống pháp luật Pháp với Pháp luật Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016.
- [62] G. Ajani, By Chance and Prestige: Legal Transplants in Russia and Eastern Europe, *American Journal of Comparative Law*, No. 43, 1995, pp. 93 - 117.
- [63] B. N. Son, Confucianism and Constitutionalism in Vietnam, PhD thesis, University of Hong Kong, 2013.
- [64] B. N. Son, Confucian Constitutionalism in East Asia, Routledge, 2016.
- [65] R. Munday, Accounting for an Encounter, in: P. Legrand, R. Munday (Eds.), *Comparative Legal Studies: Traditions and Transitions*, Cambridge University Press, 2003, pp. 3-28.
- [66] V. Q. Thông, Pháp chế sử Việt Nam, Tủ sách Đại học Sài Gòn, 1971.
- [67] L. V. Hy, Resolution in The Village: Tradition and Transformation in North Vietnam, 1925-1988, University of Hawaii Press, 1992.
- [68] P.D. Nghĩa, Confucianism and the Conception of the Law in Vietnam, in: J. Gillespie, P. Nicholson (Eds.), *Asian Socialism and Legal Change: The Dynamics of Vietnamese and Chinese Reform*, ANU Press, Canberra ACT, 2005: pp. 76-90.
- [69] W. Shi, Globalization and Indigenization: Legal Transplant of a Universal TRIPS Regime in a Multicultural World, *American Business Law Journal*, No. 47, 2010, pp. 455-508.
- [70] W. Ewald, Comparative jurisprudence (I): what was it like to try a rat, *U. Pa. L. Rev*, No.143, 1994, pp. 1889.
- [71] A. Harding, Comparative Law and Legal Transplantation in South East Asia: Making Sense of the 'Nomic Din', in: D. Nelken, J. Feest (Eds.), *Adapting Legal Cultures*, Hart Publishing, Oxford, 2001: pp. 199 - 222.
- [72] A. Harding, Global Doctrine and Local Knowledge: Law in South East Asia, *International & Comparative Law Quarterly*. No. 51, 2002, pp. 35 - 53.
- [73] W. A. W. Neilson, Competition Laws for Asian Transitional Economies: Adaptation to Local Legal Cultures in Vietnam and Indonesia, in: T. Lindsey

- (Ed.), *Law Reform in Developing and Transitional States*, Routledge, 2006, pp. 291 - 316.
- [74] D. Nelken, *Comparatists and Transferability*, in: R. Munday, P. Legrand (Eds.), *Comparative Legal Studies: Traditions and Transitions*, Cambridge University Press, 2003, pp. 437 - 466.
- [75] R. Lempert, *A Jury for Japan?*, *American Journal of Comparative Law*, No. 40, 1992, pp. 37 - 71.
- [76] M. Langer, *From legal Transplants to Legal Translations: the Globalization of Plea Bargaining and the Americanization Thesis in Criminal Procedure*, *Harvard International Law Journal*, No. 45, 2004, pp. 1 - 64.
- [77] J. Kroncke, *Law and Development as anti-Comparative law*, *Vand. J. Transnat'l L*, No. 45, 2012, pp. 477.
- [78] J. J. Kroncke, *The Futility of Law and Development: China and the Dangers of Exporting American Law*, Oxford University Press, 2015.
- [79] J. Gillespie, *Transplanted Company Law: An Ideological and Cultural Analysis of Market-Entry in Vietnam*, *International & Comparative Law Quarterly*, No. 51, 2002, pp. 641 - 672.
- [80] M. Cohn, *Legal Transplant Chronicles: the Evolution of Unreasonableness and Proportionality Review of the Administration in the United Kingdom*, *The American Journal of Comparative Law*, No. 58, 2010, pp. 583 - 629.
- [81] R. M. Cover, *Foreword: Nomos and narrative*, *Harv. L. Rev*, No. 97, 1983, pp. 4.
- [82] D. Nelken, *Using the concept of legal culture*, in: M. Del Mar, M. Giudice (Eds.), *Legal Theory and the Social Sciences*, Routledge, 2017, pp. 279 - 303.
- [83] R. Peerenboom, *What have we learned about law and development? Describing, predicting, and assessing legal reforms in China*, in: *Law and Society in East Asia*, Routledge, 2017, pp. 139 -187.
- [84] N. Lupo, S. Lucia, *Comparative Law in Legislative Drafting. The Increasing Importance of Dialogue Amongst Parliaments*, Eleven International Publishing, 2014.